

6. Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 3 và quý I năm 2020

Triệu đồng; %

	Thực hiện tháng 2 năm 2020	Ước tính tháng 3 năm 2020	Ước tính quý I năm 2020	Tháng 3 năm 2020 so với cùng kỳ năm trước	Quý I năm 2020 so với cùng kỳ năm trước
TỔNG SỐ	3.156,039	3.134,572	9.472,132	103,27	103,60
<i>Phân theo nhóm hàng</i>					
Lương thực, thực phẩm	1.579,885	1.569,053	4.735,133	103,55	104,37
Hàng may mặc	200,421	198,352	597,522	102,10	102,44
Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình	411,935	408,666	1.232,258	101,39	102,21
Vật phẩm văn hóa, giáo dục	35,466	34,794	106,997	95,22	99,96
Gỗ và vật liệu xây dựng	265,704	264,182	804,210	101,69	104,34
Ô tô các loại	17,704	17,694	53,721	96,45	100,61
Đồ chơi trẻ em (các loại, đồ chơi điện tử, đồ chơi ngoài trời)	141,950	141,617	427,768	99,06	100,84
Xăng, dầu các loại	187,550	187,424	563,868	103,72	104,39
Nhiên liệu khác (trừ xăng, dầu)	78,753	78,554	235,899	102,03	102,49
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	83,263	83,133	250,760	101,03	101,80
Hàng hóa khác	99,768	99,239	304,442	103,80	105,93
Sửa chữa xe động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ	53,640	51,864	159,554	97,75	101,20